

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ**

**Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan**

(Tiếp theo Công báo số 703 + 704)

Chương VI**BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN****Mục 7****GIÁM ĐỊNH VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN****Điều 92. Giám định về quyền tác giả và quyền liên quan**

1. Giám định về quyền tác giả và quyền liên quan là việc tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sử dụng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn để đánh giá, kết luận về những vấn đề có liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định.

2. Giám định về quyền tác giả và quyền liên quan bao gồm các nội dung sau đây:

a) Xác định căn cứ phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại Điều 65 của Nghị định này;

b) Xác định đối tượng được xem xét có đáp ứng các điều kiện để bị coi là yếu tố xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hay không theo quy định tại khoản 2 Điều 64, các điều 66 và 67 của Nghị định này;

c) Xác định có hay không sự trùng, tương đương, tương tự, gây nhầm lẫn, khó phân biệt hoặc sao chép giữa đối tượng được xem xét với đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan;

d) Xác định giá trị quyền tác giả, quyền liên quan, xác định giá trị thiệt hại theo quy định của pháp luật về giá.

3. Nguyên tắc giám định về quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 93. Giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan

1. Giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan là cá nhân có đủ trình độ kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn để đánh giá, kết luận về những vấn đề có liên quan đến nội dung cần giám định, đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận và cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (sau đây gọi là Thẻ giám định viên).

2. Giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan có các quyền sau đây:

a) Từ chối giám định trong trường hợp tài liệu liên quan không đủ hoặc không có giá trị để đưa ra kết luận giám định;

b) Từ chối nhận mẫu vật giám định trong trường hợp có nguy cơ gây hại sức khỏe hoặc mẫu vật quá cồng kềnh, không đủ cơ sở hạ tầng để lưu trữ;

c) Sử dụng kết quả thẩm định hoặc kết luận chuyên môn, ý kiến chuyên gia phục vụ việc giám định;

d) Giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoạt động độc lập có quyền đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp các thông tin, tài liệu có liên quan đến đối tượng giám định để thực hiện việc giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện việc giám định theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;

b) Lập hồ sơ giám định; giải thích kết luận giám định khi có yêu cầu;

c) Bảo quản, lưu trữ các tài liệu, mẫu vật liên quan đến vụ việc giám định theo quy định của pháp luật;

d) Độc lập đưa ra kết luận giám định và chịu trách nhiệm về kết luận giám định của mình; nếu cố ý đưa ra kết luận giám định sai, gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức có liên quan thì phải bồi thường thiệt hại;

đ) Từ chối giám định trong trường hợp giám định viên có quyền, lợi ích liên quan đến đối tượng giám định, vụ việc cần giám định hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết luận giám định hoặc trong trường hợp pháp luật khác có quy định bắt buộc phải từ chối giám định;

e) Giữ bí mật các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp tiết lộ bí mật thông tin gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân có liên quan;

g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lợi dụng tư cách giám định và hoạt động giám định để trục lợi hoặc cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật;

h) Tuân theo các quy định về trình tự, thủ tục giám định;

i) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình hoạt động giám định theo định kỳ 6 tháng và hàng năm bằng văn bản gửi về cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 94. Hình thức hoạt động giám định của giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan

1. Giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoạt động trong một tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan dưới danh nghĩa của tổ chức đó hoặc hoạt động độc lập.

2. Hình thức hoạt động của giám định viên được ghi nhận tại Quyết định cấp, cấp lại Thẻ giám định viên và Danh sách giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 6 Điều 98 của Nghị định này.

3. Trường hợp giám định viên hoạt động dưới danh nghĩa của tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan thì thông tin về giám định viên phải được ghi nhận tại Quyết định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan và Danh sách giám định viên thuộc tổ chức quy định tại khoản 6 Điều 99 của Nghị định này.

Điều 95. Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan là tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại các khoản 2 và 2a Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ, quy định của pháp luật có liên quan và được cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan (sau đây gọi là Giấy chứng nhận tổ chức giám định).

2. Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan có các quyền sau đây:

a) Thuê giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện giám định theo các vụ việc;

b) Đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp các thông tin, tài liệu có liên quan đến đối tượng giám định để thực hiện việc giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan có các nghĩa vụ sau đây:

a) Hoạt động theo đúng lĩnh vực giám định ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và Giấy chứng nhận tổ chức giám định;

b) Thực hiện việc giám định theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;

c) Bảo quản, lưu trữ các tài liệu, hồ sơ liên quan đến vụ việc giám định;

d) Giữ bí mật các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp tiết lộ bí mật thông tin gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân có liên quan;

đ) Từ chối tiếp nhận và thực hiện giám định trong trường hợp pháp luật khác có quy định bắt buộc phải từ chối giám định;

e) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình hoạt động giám định theo định kỳ 6 tháng và hàng năm bằng văn bản gửi về cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 96. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên, Giấy chứng nhận tổ chức giám định

Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên; cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định.

Điều 97. Kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Cá nhân yêu cầu cấp Thẻ giám định viên mà chưa có bản kết quả đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định quy định tại Điều 98 của Nghị định này nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định qua đường bưu điện hoặc tại trụ sở cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệp vụ giám định bao gồm:

a) Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 09 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học;

c) Giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác về quá trình thực tế hoạt động chuyên môn liên quan đến chuyên ngành giám định từ 5 năm liên tục trở lên hoặc từ 15 năm liên tục trở lên đối với đối tượng yêu cầu miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định quy định tại khoản 5 Điều này;

d) 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm;

đ) Văn bản yêu cầu được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định đối với đối tượng được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thông báo về việc chấp nhận hồ sơ, tiến hành thành lập hội đồng kiểm tra nghiệp vụ giám định. Trường hợp từ chối chấp nhận hồ sơ thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

3. Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ giám định

a) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thành lập Hội đồng Kiểm tra nghiệp vụ giám định (sau đây gọi là Hội đồng Kiểm tra) trên cơ sở đề nghị của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Hội đồng Kiểm tra có chủ tịch và các thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng Kiểm tra phải là số lẻ và có từ 5 thành viên trở lên. Chủ tịch Hội đồng Kiểm tra là Thủ trưởng cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; thành viên của Hội đồng Kiểm tra bao gồm những người có kinh nghiệm và uy tín về chuyên môn trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Nội dung kiểm tra nghiệp vụ giám định

Nội dung kiểm tra nghiệp vụ giám định bao gồm kiến thức pháp luật và kiến thức chuyên ngành giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

5. Đối tượng được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định

Người đã có ít nhất 15 năm liên tục làm công tác soạn thảo và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về quyền tác giả, quyền liên quan tại cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định.

6. Thông báo kết quả kiểm tra nghiệp vụ giám định

Kết quả kiểm tra nghiệp vụ giám định được thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan

của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày thực hiện kiểm tra nghiệp vụ giám định, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành văn bản xác nhận kết quả cho người đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định.

Điều 98. Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan

1. Cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 10 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản chính hoặc bản sao chứng thực Kết quả đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định hoặc văn bản của Hội đồng kiểm tra chấp nhận được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định;

c) 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm.

2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định cấp Thẻ giám định viên. Trường hợp từ chối cấp Thẻ giám định viên thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. Mẫu Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Mẫu số 11 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hiệu lực của Thẻ giám định viên: Thẻ giám định viên có hiệu lực kể từ ngày cấp.

4. Cấp lại Thẻ giám định viên:

a) Chỉ cấp lại Thẻ giám định viên trong trường hợp Thẻ giám định viên bị mất, hư hỏng hoặc có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Thẻ giám định viên;

b) Giám định viên có yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên nộp Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 10 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này) và các tài liệu quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều này qua đường bưu điện hoặc tại trụ sở cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp bị hư hỏng phải nộp lại Thẻ giám định viên bị hư hỏng;

c) Thời hạn cấp lại là 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên.

5. Thu hồi Thẻ giám định viên đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các quy định tại Điều 93 của Nghị định này;

b) Người được cấp Thẻ giám định viên có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giám định bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên theo quy định của pháp luật;

c) Có chứng cứ khẳng định Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định của pháp luật.

6. Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập Danh sách giám định viên theo Quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan này.

Điều 99. Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại các khoản 2 và 2a Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ, quy định của pháp luật có liên quan yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 12 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc giấy đăng ký hoạt động hoặc quyết định thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức.

2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. Mẫu Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Mẫu số 13 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hiệu lực của Giấy chứng nhận tổ chức giám định: Giấy chứng nhận tổ chức giám định có hiệu lực kể từ ngày cấp.

4. Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định

a) Chỉ cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định trong trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định bị mất, hư hỏng hoặc có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định;

b) Tổ chức giám định có yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc tại trụ sở cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hồ sơ gồm:

Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 12 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);

Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc

cho tổ chức (trong trường hợp có sự thay đổi so với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã được cấp).

Trường hợp bị hư hỏng phải nộp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định bị hư hỏng. Trường hợp có sự thay đổi về thông tin phải có giấy tờ hợp pháp chứng minh sự thay đổi đó và nộp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định;

c) Thời hạn cấp lại là 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định.

5. Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức giám định không còn đáp ứng các quy định tại Điều 95 của Nghị định này;

b) Tổ chức giám định có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giám định bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định theo quy định của pháp luật;

c) Có chứng cứ khẳng định Giấy chứng nhận tổ chức giám định được cấp trái với quy định của pháp luật;

d) Tổ chức giám định chấm dứt hoạt động giám định.

6. Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập, cập nhật Danh sách tổ chức giám định theo Quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan này.

Điều 100. Yêu cầu giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu giám định quyền tác giả, quyền liên quan bao gồm:

a) Chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Tổ chức, cá nhân bị yêu cầu xử lý về hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hoặc bị khiếu nại, tố cáo về quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến vụ tranh chấp, xâm phạm, khiếu nại, tố cáo về quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu giám định quy định tại khoản 1 Điều này có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác yêu cầu tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan, người giám định quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện giám định.

3. Tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định quyền tác giả, quyền liên quan có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tổ chức giám định, giám định viên trả lời kết luận giám định đúng nội dung và thời hạn yêu cầu;

b) Yêu cầu tổ chức giám định, giám định viên giải thích kết luận giám định;

c) Yêu cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại theo quy định tại Điều 106 của Nghị định này;

d) Thỏa thuận chi phí yêu cầu giám định.

4. Tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định quyền tác giả, quyền liên quan có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ và trung thực các tài liệu, chứng cứ, thông tin liên quan đến đối tượng giám định theo yêu cầu của tổ chức giám định, giám định viên;

b) Trình bày rõ ràng, cụ thể những vấn đề thuộc nội dung cần yêu cầu giám định;

c) Thanh toán chi phí giám định theo thỏa thuận; tạm ứng chi phí giám định khi có yêu cầu của tổ chức giám định, giám định viên;

d) Nhận lại đối tượng giám định khi có yêu cầu của tổ chức giám định, giám định viên.

Điều 101. Tiếp nhận yêu cầu giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu giám định quyền tác giả, quyền liên quan nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu giám định đến giám định viên hoạt động độc lập hoặc tổ chức giám định. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản yêu cầu giám định trong đó có những nội dung chủ yếu sau đây:

Tên và địa chỉ của cá nhân hoặc tổ chức yêu cầu giám định;

Số Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, ngày cấp, nơi cấp của cá nhân hoặc tổ chức yêu cầu giám định;

Số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cá nhân hoặc tổ chức yêu cầu giám định;

Tư cách yêu cầu giám định (tác giả; chủ sở hữu quyền tác giả; chủ sở hữu quyền liên quan; người có quyền, lợi ích liên quan; tư cách khác);

Căn cứ yêu cầu giám định;

Đối tượng, nội dung yêu cầu giám định;

Các nội dung liên quan khác.

b) Các tài liệu kèm theo:

Các mẫu cần giám định;

Các tài liệu chứng minh về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, tác phẩm, các đối tượng quyền liên quan;

Các tài liệu liên quan khác.

2. Giám định viên hoạt động độc lập hoặc tổ chức giám định tiếp nhận hồ sơ yêu cầu giám định, tiến hành dự toán chi phí thực hiện giám định, thỏa thuận và thực hiện ký kết hợp đồng giám định với tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định, trừ trường hợp từ chối thực hiện giám định quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Giám định viên hoạt động độc lập hoặc tổ chức giám định từ chối thực hiện giám định đối với một trong các trường hợp sau:

a) Không thuộc nội dung giám định quy định tại khoản 2 Điều 92 của Nghị định này;

b) Các quy định tại điểm a khoản 2 và điểm đ khoản 3 Điều 93 của Nghị định này.

Điều 102. Hợp đồng dịch vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Yêu cầu giám định phải lập thành hợp đồng dịch vụ giám định giữa người yêu cầu giám định với tổ chức giám định hoặc với giám định viên.

2. Hợp đồng giám định gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định; tên, địa chỉ giám định viên hoạt động độc lập hoặc tổ chức giám định;

b) Đối tượng, nội dung yêu cầu giám định;

c) Địa điểm, thời gian thực hiện việc giám định;

d) Chi phí thực hiện giám định và phương thức thanh toán;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

e) Nghiệm thu và thanh lý hợp đồng;

g) Trách nhiệm bồi thường thiệt hại; phương thức giải quyết tranh chấp;

h) Các điều kiện khác theo thỏa thuận (nếu có).

Điều 103. Giao, nhận, trả lại đối tượng giám định quyền tác giả, quyền liên quan

Trong trường hợp việc yêu cầu giám định có kèm theo đối tượng giám định thì việc giao, nhận, trả lại đối tượng giám định phải lập thành biên bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Thời gian, địa điểm giao, nhận, trả lại đối tượng giám định.

2. Tên, địa chỉ của bên giao và bên nhận đối tượng giám định hoặc của người đại diện.

3. Tên đối tượng giám định; tài liệu hoặc đồ vật có liên quan.

4. Tình trạng và cách thức bảo quản đối tượng giám định khi giao, nhận, trả lại.

5. Chữ ký của bên giao và bên nhận đối tượng giám định.

Điều 104. Lấy mẫu giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Tổ chức giám định, giám định viên có thể tự mình tiến hành lấy mẫu giám định (các hiện vật cụ thể là yếu tố xâm phạm và đối tượng quyền tác giả, quyền

liên quan đang được bảo hộ) hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định cung cấp mẫu giám định. Việc lấy mẫu giám định phải lập biên bản với sự chứng kiến và có chữ ký xác nhận của các bên liên quan.

2. Việc giao, nhận, trả lại mẫu giám định thực hiện theo quy định tại Điều 103 của Nghị định này.

Điều 105. Thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Việc giám định quyền tác giả, quyền liên quan có thể do một hoặc một số giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện. Giám định cá nhân là giám định do một giám định viên thực hiện. Giám định tập thể là giám định do hai giám định viên trở lên thực hiện.

2. Trong trường hợp giám định cá nhân thì giám định viên thực hiện toàn bộ việc giám định và chịu trách nhiệm về kết luận giám định của mình. Trong trường hợp giám định tập thể về vấn đề thuộc cùng lĩnh vực chuyên môn thì các giám định viên cùng thực hiện việc giám định, ký tên vào văn bản kết luận giám định chung và cùng chịu trách nhiệm về kết luận giám định; nếu có ý kiến khác nhau thì mỗi giám định viên ghi riêng ý kiến kết luận của mình vào văn bản kết luận giám định chung và chịu trách nhiệm về ý kiến đó. Trong trường hợp giám định tập thể về vấn đề thuộc các lĩnh vực chuyên môn khác nhau thì mỗi giám định viên thực hiện phần việc của mình và chịu trách nhiệm về kết luận giám định của mình.

Điều 106. Giám định bổ sung, giám định lại

1. Giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp kết luận giám định chưa đầy đủ, rõ ràng về các nội dung cần giám định hoặc có phát sinh tình tiết mới cần làm rõ. Yêu cầu giám định bổ sung và việc thực hiện giám định bổ sung phải thực hiện theo các quy định đối với giám định lần đầu.

2. Giám định lại được thực hiện trong trường hợp người yêu cầu giám định không đồng ý với kết quả giám định hoặc có mâu thuẫn giữa các kết luận giám định về cùng một vấn đề cần giám định. Việc giám định lại có thể do tổ chức giám định,

giám định viên đã giám định trước đó hoặc do tổ chức giám định, giám định viên khác thực hiện theo yêu cầu của người yêu cầu giám định.

3. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa các kết luận giám định hoặc giữa kết luận giám định với ý kiến chuyên môn của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về cùng một vấn đề cần giám định thì người yêu cầu giám định có thể tiếp tục yêu cầu tổ chức giám định, giám định viên khác thực hiện việc giám định lại.

Điều 107. Hội đồng tư vấn giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Khi thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan, giám định viên hoạt động độc lập và tổ chức giám định có thể thành lập Hội đồng tư vấn giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Giám định viên hoạt động độc lập, tổ chức giám định lựa chọn thành viên của Hội đồng liên quan đến chuyên ngành giám định và ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

Hội đồng tư vấn giám định quyền tác giả, quyền liên quan có chủ tịch và các thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng tư vấn giám định quyền tác giả, quyền liên quan phải là số lẻ và có từ 03 thành viên trở lên.

3. Hội đồng tư vấn giám định quyền tác giả, quyền liên quan hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, biểu quyết công khai ý kiến về chuyên môn. Các thành viên của Hội đồng tư vấn giám định quyền tác giả, quyền liên quan thảo luận tập thể về chuyên môn, ý kiến của các thành viên phải được ghi trong biên bản cuộc họp của Hội đồng tư vấn giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Toàn bộ quá trình tư vấn giám định của Hội đồng tư vấn giám định quyền tác giả, quyền liên quan được lập thành biên bản làm việc do chủ tịch và các thành viên Hội đồng cùng ký. Biên bản làm việc của Hội đồng tư vấn giám định quyền tác giả, quyền liên quan phải được ghi nhận kịp thời, đầy đủ, trung thực và được lưu trong hồ sơ giám định.

Điều 108. Kết luận giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Kết luận giám định quy định tại khoản 5 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ phải được thể hiện bằng văn bản.

2. Văn bản kết luận giám định phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ của tổ chức giám định, giám định viên;
- b) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định;
- c) Đối tượng, nội dung, phạm vi giám định;
- d) Phương pháp thực hiện giám định;
- đ) Kết luận giám định;
- e) Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành giám định.

3. Theo thời gian thỏa thuận tại hợp đồng giám định, giám định viên hoạt động độc lập, tổ chức giám định phải có văn bản kết luận giám định gửi cho tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định. Giám định viên hoạt động độc lập, người đại diện theo pháp luật của tổ chức giám định phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm về kết luận giám định.

4. Trường hợp cần thiết phải có thêm thời gian để thực hiện giám định, giám định viên hoạt động độc lập, tổ chức giám định phải thông báo kịp thời bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định.

Điều 109. Chi phí thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Chi phí thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan theo yêu cầu dịch vụ do các bên thỏa thuận và bao gồm một phần hoặc toàn bộ các chi phí sau:

- a) Chi phí thí nghiệm;
- b) Chi phí máy móc, thiết bị phục vụ cho giám định;
- c) Chi phí nghiên cứu hồ sơ tài liệu;
- d) Chi phí cho các buổi thảo luận, nhận xét, đánh giá;
- đ) Chi phí quản lý và các chi phí cần thiết khác.

2. Việc thu, quản lý và sử dụng chi phí thực hiện giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục 8

DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUNG GIAN

Điều 110. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ là các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp một, một số hoặc toàn bộ các dịch vụ sau:

a) Dịch vụ “chỉ truyền dẫn” là dịch vụ truyền dẫn trên mạng viễn thông và mạng Internet nội dung thông tin số do người sử dụng dịch vụ cung cấp hoặc dịch vụ cung cấp khả năng truy nhập vào mạng viễn thông và mạng Internet;

b) Dịch vụ “lưu trữ đệm” là dịch vụ truyền dẫn trên mạng viễn thông và mạng Internet nội dung thông tin số do người sử dụng dịch vụ cung cấp mà có hoạt động lưu trữ tự động, trung chuyển và tạm thời nội dung thông tin số đó. Hoạt động lưu trữ tự động, trung chuyển và tạm thời này được thực hiện với mục đích duy nhất là làm cho việc chuyển tiếp nội dung thông tin số đó một cách hiệu quả hơn đến người sử dụng dịch vụ khác theo yêu cầu của họ;

c) Dịch vụ “lưu trữ nội dung thông tin số theo yêu cầu” là dịch vụ cho người sử dụng lưu trữ nội dung thông tin số do người sử dụng cung cấp theo yêu cầu của họ.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian bao gồm:

a) Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ kết nối Internet;

b) Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng trong trường hợp kênh thuê riêng không được sử dụng để cung cấp các dịch vụ theo quy định tại các điểm c và d khoản này;

c) Doanh nghiệp cho thuê chỗ đặt máy chủ, cho thuê máy chủ dùng riêng trong trường hợp máy chủ không được sử dụng để cung cấp dịch vụ theo quy định tại điểm d khoản này;

- d) Doanh nghiệp cho thuê chỗ lưu trữ nội dung thông tin số theo yêu cầu;
- đ) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến;
- e) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tìm kiếm nội dung thông tin số;
- g) Doanh nghiệp khác cung cấp một, một số hoặc toàn bộ các dịch vụ có chức năng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 198b của Luật Sở hữu trí tuệ và khoản 1 Điều này.

Điều 111. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định này phải xây dựng công cụ tiếp nhận yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Công cụ tiếp nhận yêu cầu là một trong các công cụ sau:

- a) Chương trình máy tính để tiếp nhận yêu cầu;
- b) Trang thông tin điện tử để tiếp nhận yêu cầu;
- c) Các hòm thư điện tử để tiếp nhận yêu cầu;
- d) Cổng điện tử tiếp nhận yêu cầu;
- đ) Công cụ tiếp nhận yêu cầu khác có chức năng tương tự.

Xác nhận gửi thành công yêu cầu qua công cụ tiếp nhận được coi là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian đã nhận được yêu cầu.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian thông báo đầu mối liên lạc về vấn đề quyền tác giả, quyền liên quan tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và công khai trên trang thông tin điện tử của mình. Đầu mối liên lạc bao gồm ít nhất các thông tin sau: địa chỉ thư điện tử, số điện thoại liên hệ.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian cảnh báo cho người sử dụng dịch vụ về trách nhiệm pháp lý của họ nếu họ thực hiện hành vi xâm phạm quyền

tác giả, quyền liên quan và xác thực thông tin khi người dùng đăng ký tài khoản số; bảo mật thông tin, tài khoản của người dùng; cung cấp thông tin người dùng khi nhận được yêu cầu bằng văn bản từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để phục vụ xác minh, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định này thực hiện gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số khi biết nội dung thông tin số đó xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại các Điều 113 và 114 của Nghị định này.

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian khi triển khai quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 114 của Nghị định này có trách nhiệm công bố quy trình nội bộ xử lý yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hoặc yêu cầu phản đối việc tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số trên hệ thống dịch vụ của mình.

5. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải chấp hành công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

6. Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian khai thác, sử dụng nội dung thông tin số được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan do người sử dụng dịch vụ của mình đăng tải trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet vì mục đích thương mại thì phải thực hiện nghĩa vụ xin phép và trả tiền bản quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 20, khoản 4 Điều 29, khoản 2 Điều 30 hoặc khoản 2 Điều 31 của Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 112. Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quy định để được miễn trừ trách nhiệm pháp lý theo quy định tại

khoản 3 Điều 198b của Luật Sở hữu trí tuệ và các điều 113 và 114 của Nghị định này phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan của người sử dụng dịch vụ gây ra.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trực tiếp thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại các điều 28 và 35 của Luật Sở hữu trí tuệ thì phải chịu các trách nhiệm pháp lý tương ứng theo quy định của pháp luật.

Điều 113. Quy trình gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Để được miễn trừ trách nhiệm pháp lý theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 198b của Luật Sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định này phải gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan không chậm hơn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Điều 200 của Luật Sở hữu trí tuệ hoặc cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đồng thời thông báo cho bên có nội dung thông tin số bị gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập và phải báo cáo kết quả thực hiện cho cơ quan đã gửi yêu cầu và cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chậm nhất là 24 giờ sau khi xử lý yêu cầu.

Việc thông báo, báo cáo quy định tại khoản này được thực hiện bằng hình thức gửi văn bản, gửi thư điện tử hoặc hình thức tương tự khác.

2. Trường hợp bên có nội dung thông tin số bị gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phản đối yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập có thể thực hiện trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định pháp luật đối với quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều này là bằng chứng chứng minh doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian biết nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.

Điều 114. Quy trình gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian khi nhận được yêu cầu của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan

Để được miễn trừ trách nhiệm pháp lý theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 198b của Luật Sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định này phải thực hiện theo quy định sau:

1. Khi nhận được yêu cầu từ chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan (sau đây gọi là “bên yêu cầu”) kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh quy định tại khoản 4 Điều này thông qua công cụ tiếp nhận yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 111 của Nghị định này:

a) Trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số được yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn và phải thông báo cho bên yêu cầu và bên có nội dung thông tin số bị yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn (sau đây gọi là “bên bị yêu cầu”) về việc đã tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số đó kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh do bên yêu cầu cung cấp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 4 Điều này;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số và thông báo theo quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số đó nếu không nhận được thông báo yêu cầu phản

đối việc tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh do bên bị yêu cầu cung cấp quy định tại các điểm a, b, c, đ và e khoản 4 Điều này; trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian nhận được thông báo yêu cầu phản đối việc tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh do bên bị yêu cầu cung cấp quy định tại các điểm a, b, c, đ và e khoản 4 Điều này, trong vòng 72 giờ, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian khôi phục lại nội dung thông tin số đã bị gỡ bỏ hoặc ngăn chặn đồng thời chuyển tiếp cho bên yêu cầu văn bản yêu cầu phản đối kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh do bên bị yêu cầu cung cấp;

c) Kể từ khi chuyển tiếp tài liệu, chứng cứ cho bên yêu cầu theo quy định tại điểm b khoản này mà bên yêu cầu hoặc bên bị yêu cầu không tiến hành khởi kiện dân sự hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm hoặc Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền không quyết định thụ lý đơn theo quy định của pháp luật thì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian duy trì khôi phục nội dung thông tin số đã bị gỡ bỏ hoặc ngăn chặn.

Trường hợp Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thụ lý đơn của bên yêu cầu hoặc bên bị yêu cầu thì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian thực hiện theo quyết định của Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nội dung thông tin số được phát trực tiếp theo thời gian thực, trường hợp chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan chủ động cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh quy định tại các điểm a, b, c và e khoản 4 Điều này tới doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trước khi phát trực tiếp tối thiểu 24 giờ nhằm ngăn chặn, phòng ngừa hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet thì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian thực hiện như sau:

a) Ngay lập tức tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số khi nhận được yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số được yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn và phải thông báo cho bên yêu cầu và bên bị yêu cầu về việc đã tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số đó kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh do bên yêu cầu đã cung cấp;

b) Tiếp tục thực hiện theo quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều này.

3. Việc thông báo, gửi, chuyển tiếp tài liệu chứng cứ, chứng minh của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian, bên yêu cầu và bên bị yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện bằng hình thức gửi thư điện tử hoặc hình thức tương tự khác.

4. Tài liệu, chứng cứ chứng minh quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Thông tin của bên yêu cầu hoặc bên bị yêu cầu: Tên; địa chỉ hiện tại; địa chỉ thư điện tử; số điện thoại liên hệ; số giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân; số đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc giấy phép thành lập đối với tổ chức;

b) Chứng cứ chứng minh chủ thể quyền theo quy định tại Điều 77 của Nghị định này và cam kết chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ;

c) Văn bản được ký số của bên yêu cầu hoặc bên bị yêu cầu cam kết chịu mọi trách nhiệm pháp lý với yêu cầu gỡ bỏ, ngăn chặn hoặc phản đối của mình, kể cả trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bên liên quan nếu có thiệt hại xảy ra;

d) Chứng cứ chứng minh xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại Điều 78 của Nghị định này và thiệt hại xảy ra;

đ) Bên yêu cầu phải cung cấp thông tin về vị trí, đường link dẫn đến nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và mô tả nội dung xâm

phạm. Bên bị yêu cầu phải cung cấp thông tin về vị trí, đường link dẫn đến nội dung thông tin số đang bị tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn;

e) Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp bên yêu cầu hoặc bên bị yêu cầu là bên được ủy quyền.

5. Yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều này là bằng chứng chứng minh doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian biết nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.

6. Bất cứ bên nào có hành vi cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh sai sự thật xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên liên quan khác thì phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 115. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2023.

2. Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan và phần Bảo vệ quyền trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan tại Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí

tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 116. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà

Phụ lục I**BIỂU MỨC TIỀN BẢN QUYỀN KHI PHÁT SÓNG TÁC PHẨM,
BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH TRONG TRƯỜNG HỢP GIỚI HẠN
QUYỀN TÁC GIẢ, GIỚI HẠN QUYỀN LIÊN QUAN**

*(Kèm theo Nghị định số 17/2023/NĐ-CP
ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ)*

I. Tổ chức phát sóng và chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình không đạt được thỏa thuận về việc trả tiền bản quyền theo quy định tại Điều 36 của Nghị định này thì áp dụng như sau:

1. Đối với lĩnh vực phát thanh: Số tiền bản quyền chi trả theo năm cho chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu quyền liên quan tính bằng cách nhân tổng thời gian (tính theo phút) phát sóng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình của tổ chức phát sóng trong năm hiện tại với tỷ lệ phần trăm của mức lương cơ sở quy định như sau:

Kênh phát thanh	Tỷ lệ phần trăm (đối với chủ sở hữu quyền tác giả)	Tỷ lệ phần trăm (đối với chủ sở hữu quyền liên quan)
VOV	0,1	0,1
Tại đô thị loại đặc biệt	0,09	0,09
Tại đô thị loại I	0,08	0,08
Tại đô thị loại II	0,07	0,07
Tại đô thị loại III	0,05	0,05
Tại đô thị loại IV	0,03	0,03
Tại đô thị loại V	0,01	0,01
<i>Các kênh của Đài Tiếng nói Việt Nam tại khu vực thì áp dụng tỷ lệ theo phân loại đô thị của địa phương đó.</i>		

Trường hợp phát lại chương trình phát thanh thì áp dụng 15% mức tiền bản quyền của lần phát thanh đầu tiên.

2. Đối với lĩnh vực truyền hình: Số tiền bản quyền chi trả theo năm cho chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu quyền liên quan tính bằng cách nhân tổng thời gian (tính theo phút) phát sóng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình của tổ chức phát sóng trong năm hiện tại với tỷ lệ phần trăm của mức lương cơ sở quy định như sau:

Kênh chương trình truyền hình			Tỷ lệ phần trăm (đối với chủ sở hữu quyền tác giả)	Tỷ lệ phần trăm (đối với chủ sở hữu quyền liên quan)
Trung ương	Thiết yếu	VTV1, VTC1	1,2	1,2
		Kênh thiết yếu quốc gia khác	0,6	0,6
	Không thiết yếu	Các kênh của VTV	1,56	1,56
Địa phương	Thiết yếu	Kênh thiết yếu tại đô thị loại đặc biệt	1	1
		Kênh thiết yếu tại đô thị loại I	0,8	0,8
		Kênh thiết yếu tại đô thị loại II	0,7	0,7
		Kênh thiết yếu tại đô thị loại III	0,5	0,5
		Kênh thiết yếu tại đô thị loại IV	0,3	0,3
	Không thiết yếu	Kênh không thiết yếu tại đô thị loại đặc biệt	1,3	1,3

Kênh chương trình truyền hình			Tỷ lệ phần trăm (đối với chủ sở hữu quyền tác giả)	Tỷ lệ phần trăm (đối với chủ sở hữu quyền liên quan)
		Kênh không thiết yếu tại đô thị loại I	1,04	1,04
		Kênh không thiết yếu tại đô thị loại II	0,91	0,91
		Kênh không thiết yếu tại đô thị loại III	0,65	0,65
		Kênh không thiết yếu tại đô thị loại IV	0,39	0,39
Các kênh của Đài Truyền hình Việt Nam tại khu vực thì áp dụng tỷ lệ theo phân loại đô thị của địa phương đó.				

Trường hợp phát lại chương trình truyền hình sau thời gian phát sóng lần đầu thì áp dụng 20% mức tiền bản quyền của lần phát sóng đầu tiên.

Trường hợp truyền dẫn cùng thời gian, truyền dẫn phát sóng lại hoặc tiếp sóng chương trình truyền hình thông qua tất cả loại hình kênh chương trình truyền hình và các hình thức phát sóng truyền hình tương tự khác, bao gồm cả truyền qua cáp, trên mạng thông tin điện tử, mạng viễn thông, mạng Internet thì áp dụng 15% mức tiền bản quyền của lần phát sóng đầu tiên.

Trường hợp phát, truyền các kênh chương trình mới qua cáp, trên mạng thông tin điện tử, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật tương tự nào khác thì mức tiền bản quyền tính theo mức tiền bản quyền đối với kênh không thiết yếu quy định tại bảng thuộc khoản này; trường hợp tái phát, tái truyền thì áp dụng 15% mức tiền bản quyền của lần phát, truyền đầu tiên.

II. Trường hợp phát sóng không có tài trợ, quảng cáo hoặc không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định này thì số tiền bản quyền chi trả bằng 30% số tiền bản quyền tính theo quy định tại mục I của Phụ lục này.

III. Trường hợp phát sóng các chương trình đặc biệt dành cho thiếu nhi, đồng bào dân tộc thiểu số hoặc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, chương trình đặc biệt phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn của Việt Nam thì số tiền bản quyền chi trả bằng 30% số tiền bản quyền tính theo quy định tại mục I của Phụ lục này.

Phụ lục II

BIỂU MỨC TIỀN BẢN QUYỀN KHI SỬ DỤNG TÁC PHẨM, BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, THƯƠNG MẠI TRONG TRƯỜNG HỢP GIỚI HẠN QUYỀN TÁC GIẢ, GIỚI HẠN QUYỀN LIÊN QUAN

(Kèm theo Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ)

Số tiền bản quyền chi trả (tính theo năm) = Mức lương cơ sở x Hệ số điều chỉnh

Đơn vị tính: Mức lương cơ sở/tháng

TT	Hoạt động kinh doanh, thương mại	Hệ số điều chỉnh tính theo sức chứa hoặc diện tích/địa điểm theo năm sử dụng		
		Đến 15 m ²	Từ trên 15 m ² đến 50 m ²	Trên 50 m ²
1	Quán cà phê - giải khát (tính theo tổng diện tích/năm)	Hệ số điều chỉnh là 0,35/15 m ² /năm	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,04/m ² /năm	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,02/m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 8 x Mức lương cơ sở)
2	Nhà hàng, phòng hội thảo, hội nghị (tính theo tổng diện tích/năm)	Đến 50 m ²	Từ trên 50 m ² đến 100 m ²	Trên 100 m ²
		Hệ số điều chỉnh là 2,0/50 m ² /năm	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,05/m ² /năm	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,03/m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 8 x Mức lương cơ sở)

TT	Hoạt động kinh doanh, thương mại	Hệ số điều chỉnh tính theo sức chứa hoặc diện tích/địa điểm theo năm sử dụng			
3	Cửa hàng, showroom (tính theo tổng diện tích/năm)	Đến 50 m ²	Từ trên 50 m ² đến 100 m ²	Trên 100 m ²	
		Hệ số điều chỉnh là 0,35/50 m ² /năm	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,008/m ² /năm	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,006/m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 5 x Mức lương cơ sở)	
4	Câu lạc bộ thể dục, chăm sóc sức khỏe - thẩm mỹ (tính theo tổng diện tích/năm)	Đến 50 m ²	Từ trên 50 m ² đến 100 m ²	Trên 100 m ²	
		Hệ số điều chỉnh là 0,5/50 m ² /năm	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,011/m ² /năm	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,009/m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 10 x Mức lương cơ sở)	
5	Cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke phòng, karaoke box (tính theo số phòng hoặc box/năm, tùy thuộc vào diện tích phòng)	Số phòng	Đến 20 m ²	Trên 20 m ² đến 30 m ²	Trên 30 m ²
		Từ 1 đến 4 phòng	Hệ số điều chỉnh là 1,5/phòng/năm	Hệ số điều chỉnh là 1,6/phòng/năm	Hệ số điều chỉnh là 1,7/phòng/năm
		Từ phòng thứ 5 đến phòng thứ 10	Hệ số điều chỉnh là 1,2/phòng/năm	Hệ số điều chỉnh là 1,28/phòng/năm	Hệ số điều chỉnh là 1,36/phòng/năm
		Từ phòng thứ 11 trở đi	Hệ số điều chỉnh là 1,05/phòng/năm	Hệ số điều chỉnh là 1,12/phòng/năm	Hệ số điều chỉnh là 1,19/phòng/năm
		Karaoke box: hệ số điều chỉnh là 0,85/box/năm (không tùy thuộc vào diện tích)			

Hoạt động kinh doanh, thương mại		Hệ số điều chỉnh tính theo sức chứa hoặc diện tích/địa điểm theo năm sử dụng			
TT		Đến 50 m ²	Từ trên 50 m ² đến 200 m ²	Trên 200 m ²	
6	Quán bar, bistro, club, vũ trường (tính theo tổng diện tích/năm)	Hệ số điều chỉnh là 2,35 - 4,0/50 m ² /năm	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,06/m ² /năm	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,05/m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 27 x Mức lương cơ sở)	
7	Khách sạn, cơ sở lưu trú du lịch (tính theo loại khách sạn/năm)	4 - 5 sao (hoặc tương đương) 0,03/phòng/năm	1 - 3 sao (hoặc tương đương) 0,02/phòng/năm	Các dịch vụ khác (nhà hàng, bar, karaoke, hồ bơi, phòng tập thể dục, massage, spa, lobby, bãi xe, khu mua sắm, vui chơi...) thuộc khuôn viên thì áp dụng tương ứng các mục 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Phụ lục này	
8	Khu vui chơi, giải trí (tính theo tổng diện tích/năm)	Đến 200 m ²	Từ trên 200 m ² đến 500 m ²	Trên 500 m ²	Các dịch vụ thuộc khuôn viên thì áp dụng tương ứng các mục 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Phụ lục này
		Hệ số điều chỉnh là 0,7/200 m ² /năm	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,003/m ² /năm	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,001/m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 12 x Mức lương cơ sở)	

TT	Hoạt động kinh doanh, thương mại	Hệ số điều chỉnh tính theo sức chứa hoặc diện tích/địa điểm theo năm sử dụng			
9	Trung tâm thương mại, Cao ốc văn phòng (tính theo tổng diện tích/năm)	Đến 200 m ²	Từ trên 200 m ² đến 500 m ²	Trên 500 m ²	Các dịch vụ thuộc khuôn viên thì áp dụng tương ứng các mục 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Phụ lục này
		Hệ số điều chỉnh là 1,5 cho 200 m ²	Cứ mỗi 100 m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,3/100m ² /năm	Cứ mỗi 100 m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,2/100 m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 50 x Mức lương cơ sở)	
		Đến 500 m ²	Từ trên 500 m ² đến 1000 m ²	Trên 1000 m ²	
10	Siêu thị (tính theo tổng diện tích/năm)	Hệ số điều chỉnh là 1,25 cho 500 m ²	Cứ mỗi 100 m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,3/100 m ² /năm	Cứ mỗi 100 m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,2/100 m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 10 x Mức lương cơ sở)	
11	Hoạt động hàng không, giao thông công cộng (tính theo lượt khách trung bình/năm)	Hàng không - Chuyến bay quốc tế	Hàng không - Chuyến bay nội địa	Đường sắt hoặc phương tiện vận tải khác như: ô tô, tàu thủy, tàu cánh ngầm, tàu điện...	

Ghi chú:

- Đối với các hoạt động kinh doanh, thương mại quy định tại các mục số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 của Phụ lục này áp dụng quy định phân loại đô thị như sau:
 - ✓ Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: áp dụng theo khung giá;
 - ✓ Đô thị loại I: áp dụng 80% khung giá;
 - ✓ Đô thị loại II: áp dụng 60% khung giá;
 - ✓ Đô thị loại III: áp dụng 40% khung giá;
 - ✓ Đô thị loại IV: áp dụng 20% khung giá;
 - ✓ Đô thị loại V: áp dụng 10% khung giá.
- Biểu mức tiền bản quyền trên đây áp dụng cho chủ sở hữu quyền tác giả và áp dụng tương tự cho chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình được sử dụng.

Phụ lục III
MẪU VĂN BẢN TRONG LĨNH VỰC
QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN
(Kèm theo Nghị định số 17/2023/NĐ-CP
ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan
Mẫu số 02	Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan
Mẫu số 03	Tờ khai đề nghị chấp thuận áp dụng ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả cho người khuyết tật
Mẫu số 04	Tờ khai đề nghị chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại
Mẫu số 05	Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại
Mẫu số 06	Đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan
Mẫu số 07	Tờ khai đề nghị phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền
Mẫu số 08	Tờ khai yêu cầu ghi nhận, xóa tên tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan
Mẫu số 09	Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan
Mẫu số 10	Tờ khai yêu cầu cấp, cấp lại thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan
Mẫu số 11	Mẫu thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan
Mẫu số 12	Tờ khai yêu cầu cấp, cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan
Mẫu số 13	Mẫu Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan

Mẫu số 01**TỜ KHAI***

ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC SỬ DỤNG TÁC PHẨM, CUỘC BIỂU DIỄN, BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH, CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG MÀ NHÀ NƯỚC LÀ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU QUYỀN TÁC GIẢ, CHỦ SỞ HỮU QUYỀN LIÊN QUAN

Kính gửi:.....

① TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ

Tên đầy đủ: /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có):

Người đại diện theo pháp luật:

Số CCCD/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

② TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền)

Tên đầy đủ: /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có):

Người đại diện theo pháp luật:

Số CCCD/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

③ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.

④ TÁC PHẨM/CUỘC BIỂU DIỄN/BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH/CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG

Tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng:

Loại hình tác phẩm:

Thông tin về tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả/chủ sở hữu quyền liên quan:

Thông tin/nơi tiếp cận tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng:

Số GCN đăng ký quyền tác giả/GCN đăng ký quyền liên quan (nếu có):

* Chú thích: Trong Tờ khai này, tổ chức, cá nhân đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

⑤ CHI PHÍ	
Loại chi phí	Số tiền
☐ Chi phí thực hiện chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan	
Tổng số chi phí nộp theo hồ sơ là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền):	
⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Kế hoạch sử dụng ☐ Bản sao chứng từ nộp chi phí (trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) ☐ Văn bản ủy quyền (có công chứng, chứng thực hoặc hợp pháp hóa lãnh sự) trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i> Cán bộ nhận hồ sơ <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> ☐ ☐ ☐ ☐
⑦ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ/ĐƯỢC ỦY QUYỀN NỘP HỒ SƠ Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại:..... ngày... tháng... năm...</i> Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ/được ủy quyền nộp hồ sơ <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i>	

TỜ KHAI*

ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC SỬ DỤNG TÁC PHẨM, CUỘC BIỂU DIỄN, BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH, CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG MÀ NHÀ NƯỚC LÀ ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

① TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ

Tên đầy đủ: /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có):
Người đại diện theo pháp luật:
Số CCCD/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: E-mail:

② TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền)

Tên đầy đủ: /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có):
Người đại diện theo pháp luật:
Số CCCD/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: E-mail:

③ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

Đề nghị Cục Bản quyền tác giả chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan.

④ TÁC PHẨM/CUỘC BIỂU DIỄN/BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH/CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG

Tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng:
Loại hình tác phẩm:
Thông tin về tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả/chủ sở hữu quyền liên quan (nếu có):
Thông tin/nơi tiếp cận tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng:
Số GCN đăng ký quyền tác giả/GCN đăng ký quyền liên quan (nếu có):

* Chú thích: Trong Tờ khai này, tổ chức, cá nhân đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

⑤ CHI PHÍ	
Loại chi phí	Số tiền
☐ Chi phí thực hiện chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan	
Tổng số chi phí nộp theo hồ sơ là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Bản quyền tác giả):	
⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Kế hoạch sử dụng ☐ Tài liệu chứng minh đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền tại Niên giám đăng ký về quyền tác giả, quyền liên quan ☐ Tài liệu chứng minh đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền qua tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan ☐ Tài liệu chứng minh đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền qua tổ chức, cá nhân đã hoặc đang sử dụng ☐ Tài liệu chứng minh đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền trên mạng ☐ Bản sao chứng từ nộp chi phí (trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Bản quyền tác giả) ☐ Văn bản ủy quyền (có công chứng, chứng thực hoặc hợp pháp hóa lãnh sự) trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i> Cán bộ nhận hồ sơ <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
⑦ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ/ĐƯỢC ỦY QUYỀN NỘP HỒ SƠ Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại:..... ngày... tháng... năm...</i> Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ/được ủy quyền nộp hồ sơ <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i>	

Mẫu số 03**TỜ KHAI*****ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ÁP DỤNG NGOẠI LỆ KHÔNG XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ DÀNH CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT**

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

① TỔ CHỨC NỘP HỒ SƠ

Tên đầy đủ:

/Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có):

Người đại diện theo pháp luật:

Số ĐKKD/ĐKHĐ/QĐTL:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

② NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

Đề nghị chấp thuận cho tổ chức áp dụng ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật theo quy định tại Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ đối với các quyền:

- ☐ Tạo bản sao dưới định dạng dễ tiếp cận, sao chép tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận theo khoản 2 Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ
- ☐ Biểu diễn tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận theo khoản 2 Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ
- ☐ Phân phối tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận theo khoản 2 Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ
- ☐ Phân phối tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận theo khoản 3 Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ
- ☐ Phân phối tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận theo khoản 4 Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ
- ☐ Truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận theo khoản 2 Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ
- ☐ Truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận theo khoản 3 Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ
- ☐ Truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận theo khoản 4 Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ
- ☐ Nhập khẩu tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận theo khoản 5 Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ
- ☐ Khác (trình bày trong Kế hoạch sử dụng)

* Chú thích: Trong Tờ khai này, tổ chức, cá nhân đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

③ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Kế hoạch sử dụng ☐ Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận ĐKKD/giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/quyết định thành lập ☐ Tài liệu khác chứng minh đáp ứng điều kiện theo quy định của tổ chức	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận hồ sơ) Cán bộ nhận hồ sơ (Ký và ghi rõ họ tên) ☐ ☐ ☐ ☐
④ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC NỘP HỒ SƠ Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại:..... ngày... tháng... năm...</i> Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)	

Mẫu số 04**TỜ KHAI***

ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC DỊCH TÁC PHẨM TỪ TIẾNG NƯỚC NGOÀI SANG TIẾNG VIỆT ĐỂ GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

① TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ

Tên đầy đủ: /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có):

Người đại diện theo pháp luật:

Số CCCD/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

② TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền)

Tên đầy đủ: /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có):

Người đại diện theo pháp luật:

Số CCCD/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

③ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

Đề nghị Cục Bản quyền tác giả chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại.

④ TÁC PHẨM ĐỀ NGHỊ DỊCH

Tên tác phẩm:

Loại hình tác phẩm:

Thông tin về tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả:

Họ và tên: Quốc tịch:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Thông tin/nơi tiếp cận tác phẩm:

Thông tin khác về tác phẩm (nếu có):

* Chú thích: Trong Tờ khai này, tổ chức, cá nhân đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

⑤ CHI PHÍ	
Loại chi phí	Số tiền
☐ Chi phí thực hiện chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại	
Tổng số chi phí nộp theo hồ sơ là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản):	
⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Kế hoạch sử dụng ☐ Tài liệu chứng minh đã nỗ lực xin phép/tìm kiếm chủ sở hữu quyền tác giả ☐ Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện khác theo quy định ☐ Bản sao chứng từ nộp chi phí (trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Bản quyền tác giả) ☐ Văn bản ủy quyền (có công chứng, chứng thực hoặc hợp pháp hóa lãnh sự) trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i> Cán bộ nhận hồ sơ <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>
⑦ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ/ĐƯỢC ỦY QUYỀN NỘP HỒ SƠ Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại:..... ngày... tháng... năm...</i> Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ/được ủy quyền nộp hồ sơ <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i>	

Mẫu số 05

TỜ KHAI***ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC SAO CHÉP TÁC PHẨM
ĐỂ GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

① TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ

Tên đầy đủ: /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có):
Người đại diện theo pháp luật:
Số CCCD/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: E-mail:

② TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền)

Tên đầy đủ: /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có):
Người đại diện theo pháp luật:
Số CCCD/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: E-mail:

③ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

Đề nghị Cục Bản quyền tác giả chấp thuận việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại

④ TÁC PHẨM ĐỀ NGHỊ SAO CHÉP

Tên tác phẩm:
Loại hình tác phẩm:
Thông tin về tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả:
Họ và tên: Quốc tịch:
Địa chỉ:
Số điện thoại: Email:
Thông tin/nơi tiếp cận tác phẩm:
Thông tin khác về tác phẩm (nếu có):

* Chú thích: Trong Tờ khai này, tổ chức, cá nhân đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

⑤ CHI PHÍ	
Loại chi phí	Số tiền
☐ Chi phí thực hiện chấp thuận việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại	
Tổng số chi phí nộp theo hồ sơ là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản):	
⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Kế hoạch sử dụng ☐ Tài liệu chứng minh đã nỗ lực xin phép/tìm kiếm chủ sở hữu quyền tác giả ☐ Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện khác theo quy định ☐ Bản sao chứng từ nộp chi phí (trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Bản quyền tác giả) ☐ Văn bản ủy quyền (có công chứng, chứng thực hoặc hợp pháp hóa lãnh sự) trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i> Cán bộ nhận hồ sơ <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
⑦ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ/ĐƯỢC ỦY QUYỀN NỘP HỒ SƠ Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại:..... ngày... tháng... năm...</i> Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ/được ủy quyền nộp hồ sơ <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i>	

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỦY BỎ HIỆU LỰC
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ/
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN LIÊN QUAN**

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐÃ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN☐ **Cá nhân**

Họ và tên:..... Quốc tịch.....

Sinh ngày:..... tháng..... năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:

.....

Ngày cấp:..... tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Email:.....

☐ **Tổ chức**

Tên tổ chức:.....

Số đăng ký doanh nghiệp, quyết định, giấy phép thành lập:

.....

Ngày cấp:..... tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Email:.....

II. ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Họ và tên/Tên tổ chức:.....

Sinh ngày:..... tháng..... năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (hoặc số đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập nếu là tổ chức):.....

Ngày cấp:..... tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Email (nếu có):.....

**III. THÔNG TIN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ,
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN LIÊN QUAN ĐỀ NGHỊ HỦY BỎ
HIỆU LỰC**

1. Số Giấy chứng nhận: Ngày cấp:

2. Lý do, nội dung, căn cứ đề nghị hủy bỏ hiệu lực:

.....

.....

.....

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại:..... ngày... tháng... năm.....

Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ/được ủy quyền nộp hồ sơ
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT BIỂU MỨC
VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TIỀN BẢN QUYỀN

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

① THÔNG TIN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT BIỂU MỨC VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TIỀN BẢN QUYỀN		
Tên tổ chức: _____		
Quyết định thành lập/Giấy đăng ký hoạt động số: _____	Cấp ngày _____	Nơi cấp: _____
Địa chỉ: _____		
Điện thoại: _____	Fax: _____	Email: _____
② NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ		
Phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền đối với: _____		
③ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản sao (có chứng thực) Quyết định thành lập/Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức ☐ Biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền đề xuất phê duyệt ☐ Phương án xây dựng biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền đề xuất phê duyệt ☐ Tài liệu khác:.....	HỒ SƠ GỒM CÁC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i> Cán bộ nhận hồ sơ <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>	
④ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC NỘP HỒ SƠ Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong hồ sơ là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Làm tại:..... ngày... tháng... năm... Người khai <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)</i>		

Mẫu số 08**TỜ KHAI*****YÊU CẦU GHI NHẬN/XÓA TÊN TỔ CHỨC TƯ VẤN,
DỊCH VỤ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN**

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

① TỔ CHỨC NỘP HỒ SƠ Tên đầy đủ: _____ /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có): _____ Người đại diện theo pháp luật: _____ Số ĐKKD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____	
② NỘI DUNG YÊU CẦU ☐ Ghi nhận Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan ☐ Xóa tên Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan	
③ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Danh sách cá nhân thuộc tổ chức kèm theo bản sao CMND/CCCD ☐ Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu tổ chức có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ☐ Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật của người đứng đầu tổ chức và các cá nhân thuộc tổ chức ☐ Bản sao giấy chứng nhận ĐKKD/giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i> Cán bộ nhận hồ sơ (Ký và ghi rõ họ tên)
④ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC NỘP HỒ SƠ Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại:..... ngày... tháng... năm...</i> <i>Chữ ký, họ tên người nộp tờ khai</i> <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i>	

* Chú thích: Trong Tờ khai này, tổ chức đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ DỰ KIỂM TRA
NGHIỆP VỤ GIÁM ĐỊNH QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Ảnh
(3 x 4 cm)

① THÔNG TIN NGƯỜI ĐĂNG KÝ KIỂM TRA	
Họ và tên: Ngày sinh: Số CMND/CCCD: Địa chỉ: Điện thoại:	
Nơi sinh: Cấp ngày: Email:	
② NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KIỂM TRA	③ NỘI DUNG ĐƯỢC MIỄN KIỂM TRA
☐ Kiến thức pháp luật, giám định quyền tác giả, quyền liên quan ☐ Kiến thức chuyên ngành quyền tác giả ☐ Kiến thức chuyên ngành quyền liên quan	☐ ☐ ☐
③ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ KIỂM TRA	HỒ SƠ GỒM CÁC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)
☐ Tờ khai ☐ Bản sao (có chứng thực) bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học ☐ Giấy xác nhận quá trình công tác ☐ 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm ☐ Văn bản yêu cầu được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định	☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ Cán bộ nhận hồ sơ (Ký và ghi rõ họ tên)
④ CAM KẾT CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ	
Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong hồ sơ là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Làm tại:..... ngày... tháng... năm... Người đăng ký (Ký và ghi rõ họ tên)	

Mẫu số 10

TỜ KHAI
YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI
THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Ảnh
(3 x 4 cm)

① THÔNG TIN NGƯỜI YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN	
Họ và tên: Năm sinh: Số CMND/CCCD: Địa chỉ: Điện thoại: Nơi sinh: Cấp ngày: Email:	
② NỘI DUNG YÊU CẦU	
☐ Yêu cầu cấp Thẻ lần đầu ☐ Yêu cầu cấp lại Thẻ Số Thẻ đã cấp: Lý do cấp lại: ☐ Thẻ bị mất ☐ Thẻ bị hư hỏng ☐ Thay đổi thông tin trong Thẻ giám định viên	
③ CHUYÊN NGÀNH GIÁM ĐỊNH	
☐ Quyền tác giả ☐ Quyền liên quan	
④ HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH	
☐ Hoạt động độc lập ☐ Hoạt động trong tổ chức giám định	
⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản sao kết quả đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan ☐ Bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân ☐ 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm ☐ Thẻ đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất) ☐ Văn bản chấp nhận được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định ☐ Văn bản yêu cầu cấp lại	

MẪU THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN Số:...../ TGDV
<i>Ảnh</i> 3 x 4 cm	Họ và tên:..... Sinh ngày:..... Giấy CMND/Thẻ CCCD (số):..... cấp ngày..... tại..... Địa chỉ thường trú:..... Chuyên ngành giám định:..... Hình thức hoạt động giám định:..... Hà Nội, ngày..... tháng..... năm..... CỤC TRƯỞNG CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý
1. Người được cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan được hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan theo chuyên ngành và hình thức quy định. 2. Thẻ giám định viên bị thu hồi đối với một trong các trường hợp sau đây: a) Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các quy định của pháp luật về điều kiện giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan; b) Người được cấp Thẻ giám định viên có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giám định bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên theo quy định của pháp luật; c) Có chứng cứ khẳng định Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định của pháp luật.

(Thẻ giám định quyền tác giả, quyền liên quan có kích thước 12 cm x 18 cm)

Mẫu số 12

TỜ KHAI
YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

① THÔNG TIN TỔ CHỨC YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN			
Tên tổ chức: Quyết định thành lập/Giấy đăng ký hoạt động số: cấp ngày tại Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:			
② NỘI DUNG YÊU CẦU			
☐ Cấp Giấy chứng nhận lần đầu ☐ Cấp lại Giấy chứng nhận Số Giấy chứng nhận đã cấp: <u>Lý do cấp lại:</u> ☐ Giấy chứng nhận bị mất ☐ Giấy chứng nhận bị hư hỏng ☐ Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận			
③ DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC			
STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành
④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản sao (có chứng thực) Quyết định thành lập/Giấy đăng ký hoạt động ☐ Bản sao (có chứng thực) quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc ☐ Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất) ☐ Văn bản xin cấp lại		HỒ SƠ GỒM CÁC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i> ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ Cán bộ nhận hồ sơ <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>	
⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI KHAI Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong hồ sơ là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Làm tại:..... ngày... tháng... năm... Người khai <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)</i>			

Mẫu số 13

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNTCGĐ-BQTG

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN**Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan****CỤC TRƯỞNG
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ**

Căn cứ khoản 2 và khoản 2a Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019 và 2022;

Căn cứ Điều... Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan;

Căn cứ Quyết định số... ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bản quyền tác giả.

CHỨNG NHẬN

Tổ chức:

Tên giao dịch:

QĐTL/ĐKHH số:

cấp ngày:

Tại:

Địa chỉ:

Là Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức:

Danh sách giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan:

STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

CỤC TRƯỞNG